

V/v: Ly hôn.

Quá trình chung sống, từ lúc bà A mang thai thì vợ chồng đã không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ những chuyện nhỏ nhặt. Nguyên nhân là do ông V thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con. Vợ chồng sống nhưng thiếu sự tôn trọng nhau và để một mình bà A gách vác chuyện chăm sóc con chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 06/8/2022 cho đến nay.

Nay, bà A nhận thấy tính tình vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên bà A yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà A yêu cầu được ly hôn với ông V.
- Về con chung: Bà A xác nhận quá trình chung sống giữa bà và ông V có một con chung, họ và tên HNAK (giới tính: Nam), sinh ngày 18/10/2020.

Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà A xác nhận quá trình chung sống giữa bà và ông V không có tài sản chung.
- Về nợ chung: Bà A xác nhận quá trình chung sống giữa bà và ông V không có nợ chung.

Ngày 30/11/2022, nguyên đơn bà PLNA đã có “Đơn yêu cầu vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử”.

Bị đơn là ông HHV đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 nhưng ông V vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán.

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý được quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ tổ tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về việc giải quyết vụ án hôn nhân gia đình:

- Về hôn nhân: Bà PLNA và HHV tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 75 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/9/2020), là quan hệ hôn nhân hợp.

Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà A trình bày là do ông V thiếu trách nhiệm với vợ con, không tôn trọng vợ, bà A đã nhiều lần cho ông V cơ hội sửa đổi như không có kết quả. Từ tháng 8 năm 2022 đến nay cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng bà A và ông V không còn khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng chỉ là ràng buộc về mặt pháp lý, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà A là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh bà A và ông V có 01 con chung Ông xác định có 01 con chung, họ tên là HNAK, sinh ngày 18/10/2020. Sau khi ly hôn, bà A là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, trẻ Khôi còn nhỏ nên giao bà A trực tiếp chăm sóc là phù hợp.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về án phí dân sự: Bà PLNA phải nộp án phí ly hôn.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn bà PLNA đối với bị đơn là ông HHV có địa chỉ cư trú tại số 62/7 tổ 5, khu phố T, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thì đây là tranh chấp về “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về hình thức:

Ngày 30/11/2022, nguyên đơn bà PLNA có “Đơn yêu cầu vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử”. Bị đơn là ông HHV mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà PLNA và bị đơn ông HHV quy

định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Xét về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 75 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/9/2020 có đủ cơ sở để xác định bà PLNA và ông HHV là vợ chồng hợp pháp.

Theo bà A trình bày, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ những việc nhỏ nhặt hằng ngày do ông V thiếu trách nhiệm với gia đình và vợ con, vợ chồng thiếu sự tôn trọng nhau. Vì vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 06/8/2022 đến nay.

Vụ án thụ lý đã lâu, Tòa án đã nhiều lần động viên, phân tích nhưng bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn do khả năng đoàn tụ không có, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống chung cũng không mang lại hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ chung sống với nhau. Mặt khác trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn bà A được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn ông V đã không đưa ra chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A.

- Về con chung:

Căn cứ Bản sao Giấy khai sinh số 259 do Ủy ban nhân dân phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/11/2020 đủ căn cứ xác định: Bà A và ông V có 01 (một) con chung, họ tên HNAK (giới tính: Nam) ngày 18 tháng 10 năm 2020. Hiện nay, con chung là trẻ Khôi đang được bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về yêu cầu này của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cả cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, hiện nay trẻ Anh Khôi dưới 36 tháng tuổi và đang sống ổn định với bà A, nên việc giao con chung là Anh Khôi cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà A về việc không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà A xác nhận quá trình chung sống giữa bà và ông V không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà A xác nhận quá trình chung sống giữa bà và ông V không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà A khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí, lệ phí Tòa án và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bà PLNA và ông HHV.

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà PLNA.

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà PLNA ly hôn với ông HHV.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 75 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/9/2020).

2.2 Về con chung: có 01 (một) con chung, họ tên HNAK (giới tính: Nam) ngày 18 tháng 10 năm 2020.

Giao con chung là trẻ HNAK cho bà PLNA trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà A về việc không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, ông V có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2 Về tài sản chung: Bà A xác nhận quá trình chung sống giữa bà và ông V không có tài sản chung.

2.3 Về nợ chung: Bà A xác nhận quá trình chung sống giữa bà và ông V không có nợ chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà PLNA phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0014737 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7. Bà A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bà PLNA và ông HHV vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 7, Tp.HCM;
- UBND phường T, Quận 7, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (TK: Sang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Phương